TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST Ngày: 29 – 01 – 2021 Về việc không công nhận quan hệ vợ chồng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến đầu năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời kỳ sống chung, giữa ông T và bà H thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện nay ông T nhận

thấy ông và bà H không thể hàn gắn tình cảm và sống chung với nhau được nữa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông T và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H thống nhất với lời trình bày của ông T về việc bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến đầu năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ đầu năm 2020 đến nay bà H và ông T đã sống ly thân.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và bà Lê Thị H; về con chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H không có con chung; về tài sản chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn T và bị đơn bà Lê Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và

bà Lê Thị H nên quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lê Thị H có nơi cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Trong quá trình chung sống từ năm 2000 đến đầu năm 2020 giữa ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T và bà H tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T và bà H đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến đầu năm 2020 ông T và bà H sống ly thân. Qua xác minh trên thực tế, ông Lê Văn T và bà Lê Thị H không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xét thấy, ông T và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và bà Lê Thị H.

[4] Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H đều thừa nhận không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và bà Lê Thị H.

2. Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H không có con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002390 ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu